

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-01-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hải Sơn;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Côn – Kiểm sát viên.

Ngày 27-01-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 05/2021/TLST-KDTM ngày 15 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐXXST-KDTM ngày 08 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ: phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàng Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông B – Chủ tịch hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 17-9-2021):

+ Ông Đặng Văn H – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định;

+ Ông Đặng Huy Q – Trưởng phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định;

+ Ông Trần Văn B – Trưởng phòng giao dịch Năng Tĩnh Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và bà Trần Thị T, sinh năm 1978; HKTT: Xóm 21, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 18, xã A, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Có mặt ông Trần Văn B; vắng mặt: ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05-10-2021, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng T trình bày:

Ngân hàng T chi nhánh Nam Định và ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T đã ký hai hợp đồng tín dụng, cụ thể: Ngày 05-11-2020, ký hợp đồng cho vay hạn mức số TD 20040.077/2020-HĐCVHM/NHCT380- Nguyễn Văn C; số tiền cho vay là 2.000.000.000đ, thời hạn vay 09 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mua bán phụ tùng xe máy. Ngày 30-11-2020 ký hợp đồng cho vay số TD 20040.081/2020-HĐCV/NHCT380- Nguyễn Văn C; số tiền cho vay là: 500.000.000đ; thời hạn vay 84 tháng; mục đích sử dụng vốn vay: Bổ đắp chi phí xây sửa nâng cấp nhà ở và cửa hàng kinh doanh; mua sắm nội thất phục vụ đời sống. Để đảm bảo cho hai khoản vay trên, vợ chồng ông C, bà T đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC20040.020/2020/HĐBĐ/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 04-11-2020 với Ngân hàng T chi nhánh Nam Định. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 22, diện tích 86 m² đất ONT tại xóm 18, xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-08-2009, mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T đã vi phạm các điều khoản trả nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng đã ký kết với T. Từ thời điểm bắt đầu có quan hệ tín dụng với T Nam Định, ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T đã thường xuyên phát sinh chậm trả nợ gốc, lãi kể từ kỳ tháng 12-2020. Do hoạt động kinh doanh gặp khó khăn, thua lỗ ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T không thanh toán được cho ngân hàng các khoản nợ gốc, lãi đến hạn. Theo hợp đồng cho vay hạn mức ngày 05-11-2020, khoản vay của ông C, bà T (số tiền giải ngân 2.000.000.000đ) đến hạn thanh toán lãi vào ngày 05-08-2021 và gốc vào ngày 06-08-2021. Theo hợp đồng cho vay ngày 30-11-2020, khoản vay của ông C, bà T (số tiền giải ngân 500.000.000đ) đến hạn thanh toán gốc, lãi định kỳ vào ngày 05-08-2021.

Tổng dư nợ gốc và lãi, lãi phạt đối với cả hai hợp đồng vay của ông C, bà T tính đến ngày 27-01-2022 là: 2.640.970.937đ; trong đó: nợ gốc là 2.464.200.000đ, nợ lãi là 130.818.999đ, lãi phạt là 45.951.938đ. Ngân hàng T chi nhánh Nam Định đã nhiều lần liên hệ điện thoại, gửi thông báo đôn đốc trả nợ, xuống gia đình làm việc để yêu cầu ông C, bà T thu xếp, tìm kiếm phương án trả nợ nhưng ông C, bà T vẫn cố tình không có thiện chí hợp tác. Do đó, Ngân hàng T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu giải quyết buộc ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi, lãi phạt tính đến ngày 27-01-

2022 là: 2.640.970.937đ; trong đó: nợ gốc là 2.464.200.000đ, nợ lãi là 130.818.999đ, lãi phạt là 45.951.938đ.

Kể từ sau ngày xét xử, vợ chồng ông C, bà T còn phải thanh toán các khoản lãi phát sinh, lãi phạt cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng T. Sau khi bản án có hiệu lực, trường hợp ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết để thu hồi nợ. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông C, bà T còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09-11-2021, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Do bà T đi chữa bệnh không có ở nhà nên những văn bản Tòa án gửi, ông C nhận được đều thông báo cho bà T vợ ông biết, ý kiến của ông C cũng là ý kiến của bà T. Vợ chồng ông C, bà T công nhận còn nợ Ngân hàng T như Ngân hàng khởi kiện là đúng. Vợ chồng ông C, bà T vẫn có ý thức phải có trách nhiệm nợ cho Ngân hàng nhưng do Ngân hàng làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của ông C, bà T nên ông bà chưa thu hồi được vốn kinh doanh để trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C, bà T phải trả nợ, ông C có ý kiến vợ chồng ông không có khả năng trả nợ luôn được, đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng ông khất nợ trả dần. Bị đơn bà Trần Thị T không có lời khai gửi cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tiến hành hòa giải, tổng đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 98, 170, 171, 175, 177, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự như cung cấp chứng cứ, tham gia phiên tòa. Bị đơn vợ chồng ông C, bà T không có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án là chưa có ý thức chấp hành pháp luật theo các quy định tại các Điều trên.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T, buộc vợ chồng ông C, bà T phải trả nợ cho Ngân hàng T tổng số nợ gốc và lãi, lãi phạt đối với cả hai hợp đồng vay của ông C, bà T tính đến ngày 27-01-2022 là: 2.640.970.937đ; trong đó: nợ gốc là 2.464.200.000đ, nợ lãi là 130.818.999đ, lãi phạt là 45.951.938đ. Trường hợp ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền đề nghị cơ quan Thi hành xử lý tài sản thế chấp là quyền

sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 76, tờ bản đồ số 22, diện tích 86 m² đất ONT tại xóm 18, xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-08-2009, mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T theo hợp đồng thế chấp mà các bên đã ký kết. Nếu tài sản đảm bảo không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì vợ chồng ông C, bà T còn phải tiếp tục thi hành phần nghĩa vụ còn lại đối với Ngân hàng T cho đến khi hoàn thành xong nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn ông C, bà T là phù hợp.

[2] Xét các hợp đồng cho vay số TD 20040.077/2020-HĐCVHM/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 05-11-2020; hợp đồng cho vay số TD 20040.081/2020-HĐCV/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 30-11-2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TC20040.020/2020/HĐBĐ/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 04-11-2020 được ký kết giữa Ngân hàng T chi nhánh Nam Định và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T thì thấy: Tại thời điểm ký các hợp đồng, Ngân hàng T là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; vợ chồng ông C, bà T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, là hộ gia đình có đăng ký kinh doanh. Việc các bên ký hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các văn bản kèm theo thể hiện ý chí tự nguyện của các bên trên cơ sở nhu cầu, kế hoạch phát triển kinh doanh, tăng thu nhập của doanh nghiệp và gia đình. Về nội dung các hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; hình thức hợp đồng đảm bảo các điều kiện theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng ông C, bà T đã được Tòa án giao cho nhận bản sao các tài liệu do Ngân hàng T nộp kèm theo đơn khởi kiện. Ông C, bà T không có ý kiến gì về hình thức và nội dung của các hợp đồng và các văn bản kèm theo đã ký kết tại T. Do đó, hợp đồng cho vay số TD 20040.077/2020-HĐCVHM/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 05-11-2020; hợp đồng cho vay số TD 20040.081/2020-HĐCV/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 30-11-2020 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số TC20040.020/2020/HĐBĐ/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 04-11-2020 được ký kết giữa Ngân hàng T và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T và các văn bản bộ phận kèm theo điều hợp pháp, các bên đã tham gia ký kết đều phải có nghĩa vụ tôn trọng thực hiện.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng T đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T:

Theo hợp đồng cho vay số TD 20040.077/2020-HĐCVHM/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 05-11-2020; giấy nhận nợ ngày 05-11-2020 của ông C, bà T và các tài liệu khác Ngân hàng đã nộp: Ngày 06-11-2020, Ngân hàng T đã ký giải ngân cho vợ chồng ông C, bà T vay số tiền 2.000.000.000đ; thời hạn trả nợ 9 tháng, ngày trả nợ là ngày 06-8-2021; lãi suất cho vay thông thường 9,5%/năm và được điều C theo quy định trong hợp đồng. Theo hợp đồng cho vay số TD 20040.081/2020-HĐCV/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 30-11-2020; giấy nhận nợ ngày 30-11-2020 của ông C, bà T và các tài liệu khác Ngân hàng đã nộp: Ngày 30-11-2020, Ngân hàng T đã ký giải ngân cho vợ chồng ông C, bà T vay số tiền 500.000.000đ; thời hạn trả nợ 84 tháng; thời gian trả nợ gốc 28 kỳ, tần suất 3 tháng/kỳ; lãi suất vay thông thường 11,0%/năm và được điều C theo quy định trong hợp đồng. Quá trình thực hiện các hợp đồng, vợ chồng ông C, bà T đã trả được số tiền nợ gốc là 35.800.000đ và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng. Do vợ chồng ông C, bà T không trả nợ gốc và lãi theo quy định trong các hợp đồng khi đến hạn là vi phạm các điều khoản mà hai bên đã ký kết. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng T về việc buộc vợ chồng ông C, bà T phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi, lãi phạt đối với cả hai hợp đồng vay của ông C, bà T tính đến ngày 27- 01-2022 là: 2.640.970.937đ; trong đó: nợ gốc là 2.464.200.000đ, nợ lãi là 130.818.999đ, lãi phạt là 45.951.938đ là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay nợ tại Ngân hàng T, vợ chồng ông C, bà T đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số thửa số 76, tờ bản đồ số 22, diện tích 86 m² đất ONT tại xóm 18, xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-08-2009, mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà cấp ba hai tầng diện tích 75m². Tại buổi xem xét thẩm định thực địa ngày 12-11-2021, các đương sự khẳng định các tài sản vợ chồng ông C, bà T đã thế chấp tại Ngân hàng T như trên đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng, không có thay đổi, xây mới hay sửa chữa thêm gì. Vì vậy, trường hợp ông C, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Xác nhận Ngân hàng T đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định và không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 299, 317, 320, 322, 323, 385, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 157, 244, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng T:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi, lãi phạt tính đến ngày 27-01-2022 là: 2.640.970.937đ (Hai tỷ sáu trăm bốn mươi triệu, chín trăm bảy mươi nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc là 2.464.200.000đ (Hai tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng), nợ lãi là 130.818.999đ (một trăm ba mươi triệu, tám trăm mười tám nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng), lãi phạt là 45.951.938đ (bốn mươi lăm triệu, chín trăm năm mươi một nghìn, chín trăm ba mươi tám đồng) theo hợp đồng cho vay số TD 20040.077/2020-HĐCVHM/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 05-11-2020 và hợp đồng cho vay số TD 20040.081/2020-HĐCV/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 30-11-2020 và các văn bản tín dụng kèm theo.

2. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T không trả nợ hoặc trả nợ không đủ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 76, tờ bản đồ số 22, diện tích 86 m² đất ONT tại xóm 18, xã A, đã được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13-08-2009, mang tên ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị T và các tài sản gắn liền với đất gồm: Một nhà cấp ba hai tầng diện tích 75m² theo hợp đồng thế chấp số TC20040.020/2020/HĐBĐ/NHCT380- Nguyễn Văn C ngày 04-11-2020 giữa Ngân hàng T và vợ chồng ông C, bà T. Nếu số tiền phát mại tài sản vượt quá tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông C, bà T được nhận lại phần chênh lệch thừa. Nếu số tiền phát mại tài sản không đủ tổng số tiền nợ phải trả thì vợ chồng ông C, bà T phải tiếp tục thi hành phần chênh lệch còn thiếu đối với Ngân hàng T cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ và các chi phí khác theo quy định tại Luật Thi hành án dân sự.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị T phải nộp 84.819.418đ (tám mươi bốn triệu, tám trăm mười chín nghìn, bốn trăm mười tám nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 41.300.000đ (Bốn mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0005974 ngày 15-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự nguyên đơn, người phải thi hành án dân sự bị đơn có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã A;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng